TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/KDTM-ST
Ngày 28-9-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản và tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Bà Phạm Thị Kim Thu;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Duy Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản và tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần CN (gọi tắt là CLI); địa chỉ trụ sở: Khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D - chức vụ: Nhân viên Ban pháp chế; là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 232/CLI-VP ngày 29/5/2021 của ông E - Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần CN ủy quyền cho ông F - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần CN; Giấy ủy quyền ngày 06/12/2021 của ông E cho ông D; Giấy ủy quyền ngày 04/4/2022 của ông G cho ông D); ông D có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần LO; địa chỉ trụ sở: H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông K - Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần LO; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2022, bản tự khai và các lời khai tại tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty CLI) ký với Công ty Cổ phần LO (sau đây viết tắt là Công ty LO) các Hợp đồng:

- Hợp đồng số 170418.1/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017: Công ty CLI thuê nhân lực, nhà xưởng, bãi gia công chế tạo, các hạng mục phụ trợ và máy móc thiết bị đồng bộ để phục vụ công tác gia công, làm sạch, sơn kết cấu, vận chuyển đến chân công trình kết cấu thép kho than số 2 và số 3 dự án L.

- Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017: Công ty CLI giao cho Công ty LO thực hiện mua sắm vật tư phục vụ việc gia công chế tạo kết cấu thép kho than số 2 và số 3 dự án L.

Sau một thời gian thực hiện, ngày 09 tháng 9 năm 2019 Công ty LO gửi cho Công ty CLI Công văn số 059/LSC-TB2 về việc dừng thi công dự án kho than số 2 và số 3 dự án L. Theo Công văn này. LO tự nhận thấy khả năng hiện tại không thể đáp ứng được việc thực hiện dự án nên Công ty LO xin được dừng việc thi công và hai bên nghiệm thu, kiểm tra, đánh giá khối lượng công việc đã thực hiện để làm cơ sở thanh toán 02 Hợp đồng đã ký kết.

Trên cơ sở đề xuất của Công ty LO, hai bên đã tiến hành xác định giá trị khối lượng công việc đã thực hiện của Công ty LO và giá trị tạm ứng, thanh toán của Công ty CLI như sau:

Tổng giá trị công việc Công ty LO đã thực hiện là: 39.000.007.893đồng (bao gồm VAT). Trong đó Công ty LO đã cung cấp cho Công ty CLI hóa đơn GTGT với giá trị thanh toán là 29.503.984.587đồng theo hồ sơ thanh toán ngày 07/9/2018 và Công ty LO chưa cung cấp cho Công ty CLI hai hóa đơn GTGT với giá trị thanh toán lần lượt là 2.465.509.200đồng và 7.030.514.106đồng theo hồ sơ thanh toán được hai bên ký xác nhận vào ngày 20/5/2020.

Tổng số tiền Công ty CLI đã tạm ứng và thanh toán cho Công ty LO trong quá trình thực hiện hai hợp đồng là 41.000.000.000đồng.

Ngày 31/5/2020, Công ty CLI và Công ty LO tiến hành đối chiếu công nợ, nội dung Biên bản đối chiếu công nợ xác nhận Công ty LO còn phải trả Công ty CLI số tiền 1.999.992.107đồng.

Tuy nhiên đến thời điểm này, sau nhiều lần Công ty CLI yêu cầu về việc cung cấp Hóa đơn GTGT và thanh toán số tiền Công ty LO còn nợ nhưng Công ty LO cố tình chây ì, không thực hiện nên Công ty CLI khởi kiện ra Tòa án yêu cầu:

1. Buộc Công ty LO cung cấp hóa đơn GTGT cho Công ty CLI theo thỏa thuận trong Hợp đồng và hồ sơ thanh toán sau:

- Hồ sơ giá trị khối lượng thanh toán đợt 1 ngày 20/5/2020 của Hợp đồng số

170418.1/HĐKT/CLI-LO với giá trị thanh toán là 7.030.514.106đồng.

- Hồ sơ giá trị khối lượng thanh toán đợt 2 ngày 20/5/2020 của Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO với giá trị thanh toán là 2.465.509.200đồng.

2. Buộc Công ty LO thanh toán cho Công ty CLI số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 01/3/2022 là 2.294.106.014đồng, trong đó nợ gốc là 1.999.992.107đồng, nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán là 294.113.907đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 28/9/2022 là 2.390.763.168đồng (trong đó nợ gốc là: 1.999.992.107đồng; nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán là: 390.771.061đồng). Buộc Công ty LO cung cấp hóa đơn GTGT cho Công ty CLI theo thỏa thuận trong Hợp đồng và hồ sơ thanh toán sau:

- Hồ sơ giá trị khối lượng thanh toán đợt 1 ngày 20/5/2020 của Hợp đồng số 170418.1/HĐKT/CLI-LO với giá trị thanh toán là 7.030.514.106đồng.

- Hồ sơ giá trị khối lượng thanh toán đợt 2 ngày 20/5/2020 của Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO với giá trị thanh toán là 2.465.509.200đồng.

Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa mở lần thứ hai nên không lấy được ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của các bên đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 274, 275, 280, 472, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74, 78, 85, 86, 87, 306, 269, 270, 271 Luật Thương mại; Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2016; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 16; điểm d khoản 2 Điều 26 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hành hàng cung ứng dịch vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Công ty LO phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2022) cho Công ty CLI là 2.390.763.168đồng (trong đó nợ gốc là: 1.999.992.107đồng; nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán là: 390.771.061đồng); Buộc Công ty LO phải cung cấp hóa đơn GTGT cho Công ty CLI theo thỏa thuận trong Hợp đồng và hồ sơ thanh toán sau: Hồ sơ giá trị khối lượng thanh toán đợt 1 ngày 20/5/2020 của Hợp đồng số 170418.1/HĐKT/CLI-LO với giá trị thanh toán là 7.030.514.106đồng; Hồ sơ giá trị khối lượng thanh toán đợt 2 ngày 20/5/2020 của Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO với giá trị thanh toán là 2.465.509.200đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về Hợp đồng thuê tài sản và tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ được ký giữa các Công ty có đăng ký kinh doanh với nhau và có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại H, phường I, quận J, Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Xét Hợp đồng số 170418.1/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017 và Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017 được ký kết giữa Công ty CLI và Công ty LO:

[3.1] Về thẩm quyền ký kết Hợp đồng: Công ty CLI và Công ty LO là hai pháp nhân. Chủ thể tham gia ký kết hợp đồng đều là người đại diện theo pháp luật của hai Công ty do đó thẩm quyền ký kết hợp đồng là đúng pháp luật.

[3.2] Về hình thức và nội dung của hợp đồng số 170418.1/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017: Hợp đồng được lập thành văn bản đúng quy định của pháp luật. Theo nội dung trong hợp đồng thể hiện hai bên đã thỏa thuận với nhau về việc Công ty LO đồng ý cho Công ty CLI thuê nhân lực, nhà xưởng, bãi gia công chế tạo, các hạng mục phụ trợ và máy móc thiết bị đồng bộ để phục vụ công tác gia công, làm sạch, sơn kết cấu, vận chuyển đến chân công trình kết cấu thép kho than số 2&số 3 dự án L đồng thời hai bên thỏa thuận với nhau về thời hạn cho thuê, giá

trị hợp đồng, phương thức thanh toán, thanh lý hợp đồng, trách nhiệm của hai bên, điều khoản bất khả kháng, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng và điều khoản chung. Các điều khoản trong hợp đồng đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đúng ngành nghề kinh doanh, thỏa mãn các điều kiện quy định tại Luật Thương mại.

[3.3] Về hình thức và nội dung của hợp đồng 170418.2/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017: Hợp đồng được lập thành văn bản đúng quy định của pháp luật. Theo nội dung trong hợp đồng thể hiện hai bên đã thỏa thuận với nhau về việc Công ty CLI đồng ý giao, Công ty LO đồng ý nhận thực hiện mua sắm vật tư phục vụ việc gia công chế tạo kết cấu thép kho than số 2 & số 3 dự án L, đồng thời hai bên thỏa thuận với nhau về thời hạn cho thuê, giá trị hợp đồng, phương thức thanh toán, thanh lý hợp đồng, trách nhiệm của hai bên, điều khoản bất khả kháng, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng và điều khoản chung. Các điều khoản trong hợp đồng đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đúng ngành nghề kinh doanh, thỏa mãn các điều kiện quy định tại Luật Thương mại.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Xét yêu cầu Công ty LO cung cấp hóa đơn thuế GTGT cho Công ty CLI:

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2016 quy định đối tượng chịu thuế: *"Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng..."*.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 26 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng cung ứng dịch vụ thì: "*Tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ có nghĩa vụ: lập và giao hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng, trừ trường hợp không bắt buộc phải lập hóa đơn theo hướng dẫn tại Thông tư này"*.

Căn cứ điểm b khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng cung ứng dịch vụ thì: *"Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu...."* và *"Ngày lập hóa đơn đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền";"Ngày lập hóa đơn đối với cung ứng dịch vụ là ngày hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thực hiện thu tiền trước hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì*

ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền...”; *“Trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng”.*

Căn cứ theo khoản 3.2.4 Điều 3 của Hợp đồng số 170418.1/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017 và khoản 3.2.3 của Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017, hai bên thỏa thuận thống nhất hồ sơ thanh toán gồm:

Đề nghị thanh toán của bên B (Công ty LO);

Hóa đơn giá trị gia tăng cho 100% khối lượng được thanh toán;

Bảng nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo các mốc thanh toán;

Phiếu giá thanh toán giá trị hoàn thành theo các mốc thanh toán.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa Công ty CLI và Công ty LO đã ký với nhau các hồ sơ thanh toán:

- Hồ sơ giá trị khối lượng thanh toán đợt 1 ngày 20/5/2020 của Hợp đồng số 170418.1/HĐKT/CLI-LO với giá trị thanh toán là 7.030.514.106đồng.

- Hồ sơ giá trị khối lượng thanh toán đợt 2 ngày 20/5/2020 của Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO với giá trị thanh toán là 2.465.509.200đồng.

Công ty CLI cũng đã làm đơn tố cáo đến Công an quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng về việc Công ty LO chưa xuất hóa đơn GTGT đối với số tiền 9,4 tỷ đồng và 02 tỷ đồng số tiền phải hoàn trả lại cho Công ty CLI theo các Hợp đồng đã ký kết giữa hai Công ty. Tại Công văn số 1860/CAHB (CSKT) ngày 05 tháng 10 năm 2021, Công an quận Hồng Bàng trả lời: *“Căn cứ kết quả xác minh, thấy chưa đủ căn cứ để xác định Công ty LO có hành vi trốn thuế. Công an quận Hồng Bàng đề nghị Công ty CLI khởi kiện Công ty LO tại Tòa án để giải quyết”.*

Như vậy đối chiếu với các quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng, giữa hai bên đã ký với nhau các hồ sơ thanh toán như nêu trên nhưng Công ty LO chưa cung cấp Hóa đơn GTGT cho 100% khối lượng được thanh toán cho Công ty CLI. Vì vậy Công ty CLI khởi kiện yêu cầu Công ty LO phải có nghĩa vụ cung cấp hóa đơn GTGT cho Công ty CLI là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu đòi nợ gốc: Quá trình thực hiện Hợp đồng số 170418.1/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017 về thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi và máy móc thiết bị phục vụ gia công và vận chuyển đến chân công trình kết cấu thép kho than số 2 và số 3 dự án L, Công ty CLI đã sử dụng và bảo quản toàn bộ dịch vụ nhận bàn giao các hạng mục của Hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng như cam kết trong Hợp đồng; thanh toán tiền thuê đúng thời gian quy định như Điều 3 của Hợp đồng. Đối với Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017: Công ty CLI giao cho Công ty LO thực hiện mua sắm vật tư phục vụ việc gia công chế tạo kết cấu thép kho than số 2 và số 3 dự án L thì Công ty CLI đã thực hiện việc thanh toán toàn bộ số tiền hàng hóa như quy định của Điều

3 trong Hợp đồng và Công ty CLI đã thực đúng quy định tại Điều 74, 85, 87, 269, 271 Luật Thương mại.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo pháp luật của Công ty LO đã ký vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2010 xác nhận tính đến ngày 31/5/2020 Công ty LO còn nợ Công ty CLI số tiền nợ gốc là 1.999.992.107đồng. Sau nhiều lần Công ty CLI có công văn đôn đốc đòi nợ nhưng Công ty LO cố tình không trả nợ. Như vậy đủ cơ sở kết luận Công ty LO đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng kinh tế, việc Công ty CLI kiện đòi số tiền nợ gốc đối với Công ty LO là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Xét yêu cầu nợ lãi chậm thanh toán: Căn cứ Điều 2 Phụ lục bổ sung số 02 của Hợp đồng số 170418.1/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017; Điều 2 phụ lục bổ sung số 02 của Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017 quy định: *"Phạt chậm thanh toán sẽ được tham chiếu theo khoản 4 Điều 15 của Hợp đồng số 71/2017/HĐ-PVCTB-CLI-VCC được ký ngày 03/3/2017 giữa bên giao thầu là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Thái Bình và bên nhận thầu là Công ty Cổ phần CN (CLI) và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC)"* và tại Khoản 4 Điều 15 Hợp đồng số 71/2017/HĐ-PVCTB-CLI-VCC quy định như sau: *"Trường hợp bên giao thầu không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên nhận thầu, thì bên nhận thầu có quyền dừng thi công và bên giao thầu sẽ thanh toán cho bên nhận thầu lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng TMCP Ngoại thương công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu....."*. Theo điểm 5.2 Điều 5 của Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO ngày 18/4/2017 quy định: *"Trường hợp bên A không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B thì bên B có quyền dừng thi công và Bên A sẽ thanh toán cho Bên B lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng TMCP Ngoại thương công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên A đã thanh toán đầy đủ cho Bên B"*.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại thì bên chậm thanh toán phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ tại ba Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hải Phòng thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba Ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: (10.5% + 9.5% + 9.0%) x 150% : 3 = 14.5%/năm).

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng, các Phụ lục Hợp đồng giữa hai bên thì bên chậm thanh toán phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quá hạn áp

dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng TMCP Ngoại thương công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên chậm thanh toán đã thanh toán đầy đủ cho bên được thanh toán, như vậy theo Hợp đồng thì Công ty LO phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty CLI theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương công bố là 9,5% x 150% = 14,25%/năm.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính mức lãi suất là 8,4%/năm. Mức lãi suất trên thấp hơn mức lãi suất chậm thanh toán các bên thỏa thuận trong Hợp đồng và thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba Ngân hàng tại thời điểm xét xử, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do các bên đã chốt được công nợ tại Biên bản đối chiếu công nợ xác nhận Công ty LO còn phải trả Công ty CLI số tiền 1.999.992.107đồng. Do đó số tiền nợ lãi chậm thanh toán sẽ được tính từ ngày 01/6/2020, cụ thể số tiền lãi chậm thanh toán nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 28/9/2022 là: 1.999.992.107đ x 849 ngày/365ngày x 8,4% = 390.771.061đồng (có bảng tính nợ lãi chi tiết trong hồ sơ).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 274, 275, 280, 472, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74, 78, 85, 86, 87, 306, 269, 270, 271 Luật Thương mại; Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2016; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 16; điểm d khoản 2 Điều 26 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hành hàng cung ứng dịch vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần CN:

+ Buộc Công ty Cổ phần LO có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần CN tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2022 là: 2.390.763.168đồng (Hai tỷ ba trăm chín mươi triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn một trăm sáu mươi tám đồng) trong đó nợ gốc là: 1.999.992.107đồng (Một tỷ một trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi hai nghìn một trăm linh bảy đồng); nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán là: 390.771.061đồng (Ba trăm chín mươi triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm sáu mươi mốt đồng).

+ Buộc Công ty Cổ phần LO phải cung cấp hóa đơn GTGT cho Công ty Cổ phần CN theo thỏa thuận trong Hợp đồng và hồ sơ thanh toán sau:

- Hồ sơ giá trị khối lượng thanh toán đợt 1 ngày 20/5/2020 của Hợp đồng số 170418.1/HĐKT/CLI-LO với giá trị thanh toán là 7.030.514.106đồng.

- Hồ sơ giá trị khối lượng thanh toán đợt 2 ngày 20/5/2020 của Hợp đồng số 170418.2/HĐKT/CLI-LO với giá trị thanh toán là 2.465.509.200đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần LO phải nộp 79.815.263đồng (Bảy mươi chín triệu tám trăm mười lăm nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty CN số tiền 39.941.060đồng (Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm sáu mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009630 ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Minh Phương